

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DIAMONDSUN HOLDING
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DIAMONDSUN HOLDING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIAMONDSUN HOLDING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DSH.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108476411

3. Ngày thành lập: 16/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 202 phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Phá dỡ	4311
2.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Trừ chương trình truyền hình.	5911
3.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Trừ chương trình truyền hình.	5913
4.	Trồng cây hàng năm khác	0119
5.	Trồng cây ăn quả	0121
6.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
7.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
8.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
9.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
10.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
11.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
12.	Sản xuất điện Kinh doanh hoạt động phát điện.	3511
13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Không bao gồm dược phẩm và dụng cụ y tế.	4649
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn tổng hợp	4690

18.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
19.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
20.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
21.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
22.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
23.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
24.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
25.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
26.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
27.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
28.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
29.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
30.	Xây dựng nhà để ở	4101
31.	Xây dựng nhà không để ở	4102
32.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
33.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
39.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm hoạt động đấu giá).	6820
40.	Quảng cáo	7310
41.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
42.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
43.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
44.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
45.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
48.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781

50.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Trừ vàng.	4789
51.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
52.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
53.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
55.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
56.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
57.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Không bao gồm dược phẩm, dụng cụ y tế.	4772
58.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
60.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
62.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
63.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
64.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch.	5510
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
66.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh đại lý lữ hành.	7911
67.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.	7912
68.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
69.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
70.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
71.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
72.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
73.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
74.	Trồng lúa	0111
75.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113

76.	Trồng cây mía	0114
77.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
78.	Trồng cây lâu năm khác	0129
79.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
80.	Sản xuất giày, dép	1520
81.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
82.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
83.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
84.	Xây dựng công trình điện	4221
85.	Bán buôn thực phẩm	4632
86.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
87.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
88.	Xuất bản phần mềm	5820
89.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
90.	Đúc sắt, thép	2431
91.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
92.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
93.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
94.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
95.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
96.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Trừ vàng.	4662
97.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ vàng.	4773
98.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
99.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
100.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
101.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
102.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
103.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.	6619

104.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế xây dựng công trình cầu đường; - Thiết kế nội, ngoại thất công trình; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; - Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ, hệ thống thông gió, điều hòa không khí công trình xây dựng; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng; - Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng; - Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng; - Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Lập dự án; - Lập, thẩm tra dự toán; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thẩm tra thiết kế xây dựng; - Khảo sát xây dựng; - Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước; - Thiết kế điện công trình xây dựng công nghiệp; - Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; - Khảo sát địa chất công trình; - Khảo sát địa hình; - Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư xây dựng.	7110
105.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
106.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
107.	Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HỮU THẮNG	Số 20 ngõ 61 phố Yên Hoà, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.300.000	43.000.000.000	43,000	C3273342	
			Tổng số	4.300.000	43.000.000.000	43,000		
2	HỒ HOÀI NAM	3 ngõ 515 ngách 38 Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	7,000	001081005704	
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	7,000		
3	NGUYỄN MẠNH HÙNG	15 Cao Thắng, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.000	15.000.000.000	15,000	001063006094	
			Tổng số	1.500.000	15.000.000.000	15,000		
4	LÊ XUÂN NAM	Số 8 đường Nguyễn Khắc Nhu, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	5,000	122037616	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	5,000		
5	TẠ HỒNG PHONG	Thôn Yên Trung, Xã Tiên Phong, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	30,000	090818316	
			Tổng số	3.000.000	30.000.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU THẮNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 31/12/1979

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: C3273342

Ngày cấp: 04/05/2017

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 20 ngõ 61 phố Yên Hoà, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 202 phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội